

Số: 1428/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc buộc thôi học năm học 2015 - 2016
(Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Buộc thôi học năm học 2015 - 2016 đối với 78 sinh viên các khóa đào tạo Cao đẳng. (Danh sách kèm theo)

Điều 2. Những sinh viên bị buộc thôi học trên phải làm đầy đủ thủ tục mới được rút hồ sơ và nhà trường sẽ thông báo về địa phương theo qui định hiện hành.

Điều 3. Các Phòng, Ban liên quan; Giáo viên chủ nhiệm và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT-GTVL.

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Dinh Văn Dê

DANH SÁCH SINH VIÊN BUỘC THỜI HỌC NĂM HỌC 2015-2016
(DIỆN TẠM NGỪNG HỌC NĂM HỌC 2014 - 2015)
BẠC ĐÀO TẠO: CAO ĐẲNG

(Kèm theo Quyết định số 1428/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 9 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	TBCHT	SỐ DVHT CÒN LẠI	Ghi chú
1	11D0020061	Đặng Hoàng <i>Phong</i>	11CD-CK1	01.03.93	3.96	43	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
2	11D0020110	Nguyễn Như <i>Cường</i>	11CD-CK4	27.09.93	4.46	31	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
3	11D0020265	Đỗ Cao <i>Trí</i>	11CD-CK5	05.04.93	4.76	29	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
4	11D0020115	Nguyễn Khánh <i>Dư</i>	11CD-CK6	17.06.93	3.70	45	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
5	11D0020196	Nguyễn Xuân <i>Nhật</i>	11CD-CK6	12.05.93	4.93	25	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
6	11D0010009	Hoàng Văn <i>Diễn</i>	11CD-Đ1	24.08.93	4.22	42	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
7	11D0010015	Lý Phương <i>Duy</i>	11CD-Đ1	27.12.93	4.13	31	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
8	11D0010164	Nguyễn Văn <i>Linh</i>	11CD-Đ1	26.06.93	4.49	22	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
9	11D0010310	Dương Tấn <i>Luôn</i>	11CD-Đ1	18.04.92	4.78	23	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
10	11D0010053	Nguyễn Minh <i>Quý</i>	11CD-Đ1	04.12.92	3.58	38	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
11	11D0010066	Đàm Thanh <i>Thiện</i>	11CD-Đ1	14.09.93	4.35	38	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
12	11D0010085	Nguyễn Tuấn <i>Vũ</i>	11CD-Đ1	04.10.93	4.85	25	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
13	11D0010048	Trần Văn <i>Phát</i>	11CD-Đ2	04.11.92	4.93	17	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
14	11D0010289	Bùi Vũ <i>Linh</i>	11CD-Đ3	02.02.92	3.96	32	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
15	11D0010279	Đặng Văn <i>Mẫn</i>	11CD-Đ3	03.10.92	4.47	29	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
16	11D0010158	Võ Thành <i>Lâm</i>	11CD-Đ4	24.08.93	4.98	22	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
17	11D0010195	Phan Minh <i>Phụng</i>	11CD-Đ4	10.03.93	4.29	33	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
18	11D0010197	Lê Bá <i>Phước</i>	11CD-Đ4	01.01.93	4.89	20	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
19	11D0010149	Trần Văn <i>Hưng</i>	11CD-Đ5	20.02.91	4.69	25	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
20	11D0010159	Phạm Văn <i>Lành</i>	11CD-Đ5	15.10.93	4.25	36	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
21	11D0010208	Nguyễn Văn <i>Quyết</i>	11CD-Đ5	06.06.90	4.47	23	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
22	11D0060055	Huỳnh Văn <i>Thắng</i>	11CD-ĐT1	10.06.91	4.80	23	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
23	11D0070038	Nguyễn Thanh <i>Hoàn</i>	11CD-NL2	24.01.93	4.69	20	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
24	11D0070063	Võ Quốc <i>Thịnh</i>	11CD-NL2	19.04.93	5.00	32	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
25	11D0030042	Ma Phi <i>Hùng</i>	11CD-Ô1	24.02.92	4.82	19	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 3)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	TBCHT	SỐ ĐVHT CÒN LẠI	Ghi chú
26	11D0030165	Võ Văn Trường	11CD-Ô2	06.06.92	4.89	12	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 3)
27	11D0030319	Nguyễn Hữu Nhật	11CD-Ô3	10.11.93	5.18	33	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
28	11D0030136	Đinh Văn Thiệp	11CD-Ô3	22.10.92	4.63	34	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 3)
29	11D0030173	Hoàng Anh Tý	11CD-Ô3	12.09.93	5.31	29	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
30	11D0030268	Trần Bá Khiêm	11CD-Ô6	20.09.91	5.29	30	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
31	11D0030315	Mai Đình Nhật	11CD-Ô8	19.09.91	5.05	28	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
32	11D0030375	Nguyễn Duy Thanh	11CD-Ô8	24.08.92	5.04	28	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
33	11D0030305	Hoàng Văn Ngọc	11CD-Ô9	28.09.92	4.84	27	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 3)
34	11D0050047	Nguyễn Hữu Nhân	11CD-TM1	01.09.93	3.64	45	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 3)
35	11D0050172	Lê Minh Phú	11CD-TM2	01.10.93	4.46	33	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
36	11D0050164	Nguyễn Xuân Hoàng	11CD-TM3	10.01.91	4.96	15	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
37	11D0050107	Phạm Trần Văn Nam	11CD-TM3	24.01.92	4.83	21	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
38	11D0050143	Nguyễn Triều	11CD-TM3	13.04.93	4.33	25	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
39	11D0040110	Bùi Văn Đậu	11CD-TP4	16.12.93	3.51	37	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
40	11D0020116	Nguyễn Minh Dũng	12CD-CK2	09.11.91	4.78	13	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
41	12D2010090	Mai Phước Lộc	12CD-CK2	19.06.94	4.76	20	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
42	12D2010071	Đỗ Tấn Huy	12CD-CK3	01.07.94	4.37	24	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
43	12D2010020	Huỳnh Công Dũng	12CD-CK4	13.08.94	4.17	36	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
44	12D2010056	Trần Văn Hiền	12CD-CK4	17.11.93	4.53	21	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
45	12D2010123	Nguyễn Hoàng Duy Quang	12CD-CK4	20.10.94	4.73	20	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
46	12D301Đ019	Lê Đức Danh	12CD-Đ3	10.09.94	4.59	27	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
47	11D0010114	Nguyễn Quốc Đạt	12CD-Đ3	19.09.92	4.70	18	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
48	12D301Đ151	Vũ Văn Trụ	12CD-Đ3	12.02.93	3.85	40	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
49	12D301Đ155	Vầy Đức Trung	12CD-Đ3	01.10.94	4.03	42	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
50	12D301Đ008	Ngô Hải Bách	12CD-Đ4	08.06.93	4.97	9	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
51	12D301Đ024	Bùi Ngọc Dũng	12CD-Đ4	20.04.93	4.83	14	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
52	12D301Đ064	Lê Hoàng Hưng	12CD-Đ4	02.01.94	4.10	24	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
53	12D301Đ072	Trần Tuấn Kiệt	12CD-Đ4	27.09.94	4.51	21	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
54	12D3010021	Nguyễn Hữu Cương	12CD-ĐT1	25.05.94	3.54	44	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
55	12D3010069	Đặng Đức Linh	12CD-ĐT1	06.11.94	4.89	25	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
56	12D3010105	Nguyễn Lộc Quý	12CD-ĐT1	12.04.93	3.92	40	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
57	12D3010102	Võ Văn Quân	12CD-ĐT2	05.09.94	4.72	28	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	TBCHT	SỐ ĐVHT Còn nợ	Ghi chú
58	12D3010055	Trần Văn <i>Huy</i>	12CD-ĐT3	02.09.93	4.79	25	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
59	12D3010020	Nguyễn <i>Cương</i>	12CD-ĐT4	26.02.94	4.87	19	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
60	12D2060007	Bùi <i>Chiến</i>	12CD-NL1	24.09.93	4.95	17	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
61	12D2060096	Nguyễn Xuân <i>Vương</i>	12CD-NL1	02.12.94	4.89	20	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
62	12D2060013	Trần Vũ Hoàng <i>Duy</i>	12CD-NL2	24.07.94	3.77	40	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
63	12D2060091	Phạm Văn <i>Hải</i>	12CD-NL2	23.03.92	4.98	13	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
64	12D2060037	Nguyễn Thành <i>Lâm</i>	12CD-NL2	12.11.88	4.82	20	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
65	12D2060049	Đặng Trung <i>Nhật</i>	12CD-NL2	19.09.94	4.95	23	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
66	12D2060055	Phạm Duy <i>Quang</i>	12CD-NL2	13.03.94	4.43	36	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
67	12D2060071	Lê Đức <i>Tín</i>	12CD-NL2	01.10.94	3.89	31	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
68	11D0030297	Trần Thế <i>Minh</i>	12CD-Ô2	25.10.92	4.95	30	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
69	12D2050045	Vũ Hoàng <i>Minh</i>	12CD-Ô2	11.06.94	4.56	35	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
70	11D0050079	Phạm Hoài <i>Bảo</i>	12CD-TM1	05.01.93	4.88	10	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
71	12D201M047	Lê Anh <i>Phường</i>	12CD-TM1	25.07.94	4.79	19	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
72	11D0050153	Lê Quốc <i>Văn</i>	12CD-TM1	21.11.91	3.65	38	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
73	11D0040120	Nguyễn Trọng Trường <i>Giang</i>	12CD-TP1	12.01.93	4.79	33	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
74	12D201P038	Trần Văn Đức <i>Linh</i>	12CD-TP1	02.04.93	3.86	39	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
75	11D0040190	Nguyễn Tiến <i>Thành</i>	12CD-TP1	14.12.93	4.45	24	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
76	12D201P066	Nguyễn Văn <i>Tiến</i>	12CD-TP1	01.12.93	4.86	13	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
77	12D201P029	Nguyễn Kim <i>Hưng</i>	12CD-TP2	08.04.94	4.76	16	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)
78	12D201P049	Lê Chiêu Hoàng <i>Phi</i>	12CD-TP2	16.09.94	4.67	22	Quá thời gian đào tạo (Đã TNH lần 2)

Tổng cộng danh sách có 78 sinh viên.

TP.TS-ĐÀO TẠO-GTVL

Nguyễn Văn Tân

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Dinh Văn Dê